

# CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP BẮC VIỆT

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP BẮC VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2300788089

3. Ngày đăng ký thành lập: 25/10/2013

4. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2 D5, Tòa nhà trung tâm thương mại Quế Võ, Thị trấn Phố Mới, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 01864271911

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Bán buôn xăng dầu; Bán buôn than đá, than non, than bùn)                                                                                                                                     | 4661     |
| 2.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                       | 4933     |
| 3.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                  | 4931     |
| 4.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                   | 4530     |
| 5.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                    | 4312     |
| 6.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                               | 4311     |
| 7.  | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                             | 4761     |
| 8.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                            | 8230     |
| 9.  | Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước)                                                                                                                                                                         | 7830     |
| 10. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                                                                                                             | 2410     |
| 11. | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                                                                                                                     | 3830     |
| 12. | Khai thác quặng sắt                                                                                                                                                                                                                                                  | 0710     |
| 13. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng; đồ điện công nghiệp; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn hóa chất (những loại hóa chất được nhà nước cho phép; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự) | 4649     |
| 14. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                  | 4651     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>(Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh)                                                                                                                                                          | 8299                                                                |
| 16. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                           | 4641                                                                |
| 17. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                         | 4620                                                                |
| 18. | Bán buôn gạo                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4631                                                                |
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>(Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng) | 4659                                                                |
| 20. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>(Chi tiết: Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến)                                                       | 4663(Chính)                                                         |
| 21. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4632                                                                |
| 22. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4321                                                                |
| 23. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                               | 4932                                                                |
| 24. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                | 0810                                                                |
| 25. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Chi tiết: Bán buôn cao su; Bán buôn vật tư hàng dệt may; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại)                                                                                                                             | 4669                                                                |
| 26. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn nhôm, đồng)                                                                                                                                                                            | 4662                                                                |
| 27. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                          | 4543                                                                |
| 28. |                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

**7. Vốn pháp định:** 0 VNĐ

**8. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: TRẦN VĂN TRẦN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 13/09/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

Số: 012406087

Ngày cấp: 14/02/2008

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

*Thôn Cáo Đình, Xã Xuân Đình, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại:

*Thôn Cáo Đình, Xã Xuân Đình, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Thời gian đăng từ ngày 28/10/2013 đến ngày 28/10/2014

**9. Người đại diện theo pháp luật của công ty:**

Họ và tên: TRẦN VĂN TRẦN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 13/09/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012406087

Ngày cấp: 14/02/2008

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Cáo Đình, Xã Xuân Đình, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Cáo Đình, Xã Xuân Đình, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**10. Nơi đăng ký:**

Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh